

TOÀN CẦU HOÁ - MỘT SỐ NGUYÊN NHÂN CHỦ YẾU

*Phạm Thanh Hà**

Loài người đang trải qua một trong những thời kỳ phức tạp nhất và đầy mâu thuẫn trong lịch sử phát triển của mình - thời kỳ toàn cầu hoá (TCH). Đây là xu thế phát triển khách quan của thế giới, nó đang hàng ngày, hàng giờ tác động đến mọi mặt đời sống và các mối quan hệ giữa các quốc gia dân tộc. TCH không phải là một hiện tượng mới có, mà có cả một quá trình lịch sử lâu dài. Quá trình đó được bắt đầu bằng sự mở rộng thuộc địa và thị trường của chủ nghĩa tư bản từ thế kỷ XV. Thuật ngữ TCH (Globalization) xuất hiện lần đầu tiên trong cuốn từ điển tiếng Anh của Webster năm 1961. Từ những năm 1980 của thế kỷ XX trở lại đây, thuật ngữ này được sử dụng khá phổ biến trên các diễn đàn thông tin và tranh luận. Hơn nữa, TCH đang là xu hướng vận động chủ yếu của thế giới hiện đại, nên quốc gia dân tộc nào “cũng đang phải bàn đến TCH, đều nói đến những cơ hội và thách thức của nó và đang phải đề ra những đối sách cần thiết để tận dụng những cơ hội và hạn chế những thách thức của nó”⁽¹⁾.

Thuật ngữ TCH đã được đưa ra khá nhiều nhưng vẫn chưa đạt đến một sự thống nhất hoàn toàn. Tuy nhiên, cho dù xuất phát từ những góc độ, cấp độ khác nhau, từ lập trường, quan điểm và lợi ích không giống nhau..., nhưng hầu hết các ý kiến đều hướng tới cho rằng, quá trình hình thành TCH bao gồm: 1. Sự gia tăng mạnh mẽ, vượt khỏi các đường biên giới quốc gia tới quy mô quốc tế của các luồng giao lưu hàng hoá, dịch vụ thương mại, đầu tư, tài chính, công nghệ, nhân lực. 2. Sự hình thành và phát triển các thị trường thống nhất trên phạm vi toàn cầu và khu vực, cũng như việc hình thành và phát triển của các định chế và các cơ chế điều tiết quốc tế để quản lý các hoạt động và giao dịch kinh tế quốc tế.

Từ nhiều cách tiếp cận quan niệm khác nhau về TCH, có thể nhận thức khái niệm TCH trên những nội dung cơ bản sau đây: *Thứ nhất*, TCH là một quá trình lịch sử, khách quan, là giai đoạn cao của quá trình phát triển lực lượng sản xuất thế giới, là kết quả tất yếu của sự phát triển kinh tế thị trường và khoa học công nghệ; *Thứ hai*, TCH là quá trình gia tăng mạnh mẽ những mối liên hệ, sự tác động ảnh hưởng lẫn nhau, phụ thuộc lẫn nhau của tất cả

* Thạc sĩ, Học viện Chính trị khu vực I, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh



các khu vực, các quốc gia, các dân tộc trên toàn thế giới; *Thứ ba*, trong giai đoạn hiện nay, TCH về kinh tế là nội dung chủ đạo, là động lực chính của TCH. Bên cạnh đó, TCH còn diễn ra trên các lĩnh vực chính trị, luật pháp, văn hoá, công nghệ, quân sự... cũng như trên các vấn đề xã hội khác.

Cũng như nhiều sự kiện, vấn đề khác trên toàn thế giới, TCH không phải ngẫu nhiên phát sinh mà có một quá trình lịch sử của nó. Từ thời xa xưa, các quốc gia dân tộc sinh tồn gần như biệt lập, hầu như không có những quan hệ với nhau một cách thường xuyên, trừ các cuộc chiến tranh chinh phạt lẫn nhau. Chỉ đến khi kinh tế hàng hoá có sự phát triển nhất định thì mới bắt đầu có quan hệ với nhau, chủ yếu dưới hình thức thương mại. Các đội thương thuyền mở rộng không gian hoạt động buôn bán đến đâu thì các quan hệ kinh tế cũng dần phát triển vượt ra khỏi biên giới dân tộc, quốc gia. Các quan hệ về chính trị, văn hoá giữa các quốc gia, dân tộc cũng hình thành theo đà phát triển của quan hệ kinh tế.

Vào thế kỷ XVI, quá trình quốc tế hoá bắt đầu được đẩy mạnh khi kinh tế hàng hoá phát triển đến trình độ công trường thủ công và nhiều phát kiến về địa lý xuất hiện. Bước ngoặt thứ nhất của quá trình quốc tế hoá được xác định là vào nửa sau thế kỷ XVIII, với sự phát triển cuộc cách mạng kỹ thuật (từ thủ công lên cơ khí) thúc đẩy quá trình hình thành nền đại công nghiệp của chủ nghĩa tư bản, bắt đầu từ nước Anh. Nền đại công nghiệp đòi hỏi nguồn cung cấp nguyên liệu khối lượng lớn và một thị trường ngày càng mở rộng. Cuối thế kỷ XIX, nửa đầu thế kỷ XX, quá trình quốc tế hoá tiếp tục diễn ra mạnh mẽ, đây là thời kỳ ra đời các tập đoàn kinh tế của chủ nghĩa tư bản độc quyền và quá trình di chuyển lao động từ châu Âu sang Bắc Mỹ, từ Ấn Độ, Trung Quốc tới các

lãnh thổ thuộc Anh ở châu Á, châu Phi... diễn ra với quy mô lớn. Từ thập kỷ 1960 – 1970 của thế kỷ XX diễn ra cuộc cách mạng khoa học công nghệ và cách mạng công nghiệp lần thứ ba. Sự phát triển và hội tụ của hai cuộc cách mạng này đã tạo ra một bước chuyển mạnh mẽ được xác định là bước ngoặt thứ hai nâng quá trình quốc tế hoá thành quá trình toàn cầu hoá hiện nay.

TCH là xu thế khách quan của thời đại, được quy định bởi những quy luật khách quan của xã hội, của lịch sử, mà trực tiếp là từ tính chất xã hội hoá của lực lượng sản xuất trên quy mô quốc gia và quốc tế. Tuy nhiên chủ thể thực hiện TCH là con người ở các quốc gia, dân tộc. TCH là một xu thế tất yếu, khách quan mà tất cả quốc gia dân tộc đều phải tham gia. Vấn đề ở chỗ, chính phủ mỗi nước cần có những đối sách thích hợp để tham gia TCH hiệu quả và cùng đấu tranh cho một xu thế TCH đem lại lợi ích nhiều nhất cho đông đảo người dân trên thế giới. Vậy đâu là nguyên nhân của TCH mà nó đã, đang trở thành xu thế khách quan và mọi quốc gia dân tộc không thể không tham gia. Qua các công trình nghiên cứu về TCH của nhiều tác giả và những diễn biến của TCH trong thực tiễn vận động của xã hội loài người, theo chúng tôi có một số nhân tố cơ bản sau đây:

Một là, sự phát triển của lực lượng sản xuất với những chuyển biến mạnh mẽ của khoa học và công nghệ, nhất là cách mạng thông tin.

Sự phát triển của lực lượng sản xuất với những tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ bao gồm những phát minh, sáng chế, các biện pháp kỹ thuật tiên tiến, các phương pháp công nghệ hiện đại, các phương thức quản lý mới trong mọi lĩnh vực... góp phần làm tăng năng suất lao

động với chất lượng cao, chi phí thấp, giá thành rẻ, tạo ra nhiều sản phẩm cho xã hội. Điều này vừa tạo ra tiền đề thúc đẩy sự hình thành và phát triển sự phân công, chuyên môn hoá lao động sản xuất và kinh doanh theo ngành nghề, vùng lãnh thổ quốc gia, đồng thời vừa tạo ra những điều kiện và phương tiện vật chất mở đường cho sự hình thành và phát triển nhanh chóng của thị trường thế giới. Thành tựu của khoa học và công nghệ “đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc “phá vỡ” quy trình sản xuất thành nhiều phân đoạn khác nhau, tại các địa điểm khác nhau, mà không làm mất đi tính hiệu quả và khả năng sinh lợi”⁽²⁾. Chính điều này đem tới mức độ chuyên môn hoá cao, cơ cấu ngành sản xuất thay đổi, theo đó, quy trình sản xuất một sản phẩm cho phép sản xuất các linh kiện khác nhau của sản phẩm ở các nước khác nhau, mà ở đó có lợi thế so sánh về sản xuất một loại linh kiện nào đó. Thành phẩm có thể được hoàn thiện hoặc lắp ráp ở một nước không sản xuất một linh kiện nào của sản phẩm. Sự liên kết trong quá trình sản xuất như vậy đã tạo nên một “nhà máy toàn cầu”, sản phẩm tạo ra có chất lượng cao, giá thành rẻ. Đặc biệt, với cuộc cách mạng công nghệ thông tin phát triển mạnh mẽ đã tạo cho nhiều hoạt động sản xuất kinh doanh trên toàn cầu được thực hiện từ xa thông qua mạng lưới viễn thông. Và một điều khẳng định rằng “Việc mua bán thông qua điện thoại và hệ thống Internet, hội thảo qua điện thoại, giáo dục từ xa qua băng hình và trên vô tuyến truyền hình, thậm chí cả “làm việc qua điện thoại” đã trở thành các hoạt động phổ biến, đem lại hiệu quả về chi phí”⁽³⁾.

Sự phát triển của khoa học, kỹ thuật và công nghệ không những đã tạo ra các điều kiện và phương tiện vật chất mở đường cho sự hình thành và phát triển nhanh

chóng của thị trường thế giới, mà còn làm cho thế giới dường như bị thu nhỏ lại về không gian và những hoạt động trong thế giới đó diễn ra với tốc độ nhanh hơn; những cách trở về địa lý dần được khắc phục; Các quốc gia, dân tộc trở nên gần gũi với nhau qua những hình ảnh và thông tin được phát đi trên hệ thống truyền hình... Thế giới hiện nay “đang diễn ra quá trình quốc tế hoá nên sản xuất, một sự thống nhất hoá nào đó về công nghệ ngày càng tăng, hạ tầng cơ sở tài chính toàn thế giới xuất hiện, mạng lưới giao thông liên lục địa..., mạng lưới truyền hình bằng dây và không dây, dựa trên khả năng của các vệ tinh nhân tạo được mở rộng – tất cả những điều đó liên kết tất cả mọi xó xỉnh xa xôi nhất trên hành tinh”⁽⁴⁾. Như vậy, khoa học, kỹ thuật và công nghệ thông tin là một bộ phận không thể tách rời sự vận động của tiến trình TCH, là một thị phần to lớn, trong toàn bộ nền kinh tế thế giới nói chung. Chính sự phát triển của khoa học, kỹ thuật và công nghệ thông tin đã thúc đẩy xu thế TCH phát triển rộng rãi và nhanh chóng.

Hai là, sự mở rộng liên kết hợp tác kinh tế thế giới với các chính sách mở cửa, tự do hoá thương mại, đầu tư quốc tế... ngày càng diễn ra mạnh mẽ và phổ biến khắp toàn cầu.

Liên kết, hợp tác quốc tế là một nhu cầu tất yếu khách quan của thế giới. Không một quốc gia, dân tộc nào có thể phát triển được nếu tự mình đóng cửa với thế giới bên ngoài, hoặc bị thế giới cô lập. Trong một thế giới vận động đa dạng, phức tạp, muốn phát triển, các quốc gia dân tộc đều phải tìm cho mình một vị trí phù hợp tối ưu trong sự phân công lao động quốc tế để vừa phát huy hiệu quả nhất lợi thế so sánh của mình, đồng thời khai thác tốt nhất các nguồn lực bên

ngoài. Mỗi quốc gia dân tộc đều có những lợi thế, tiềm năng nội lực nhất định, nhưng cũng có những hạn chế, điểm yếu. Thông qua liên kết hợp tác quốc tế, những lợi thế sẽ được phát huy, những điểm yếu, hạn chế sẽ được khắc phục, bổ sung. Liên kết hợp tác quốc tế là một nhu cầu tất yếu khách quan, nhưng nó được thực thi mang tính chủ quan với bản chất tạo điều kiện và thúc đẩy sự phát triển toàn cầu theo hướng đem lại lợi ích cho các quốc gia dân tộc.

Chúng ta thấy rằng, sự thất bại của mô hình kinh tế kế hoạch hoá xã hội chủ nghĩa, cùng với sự thành công của mô hình kinh tế thị trường theo hướng tự do hoá đã khẳng định sự liên kết, hợp tác quốc tế trên mọi lĩnh vực, nhất là lĩnh vực kinh tế, thông qua các chính sách mở cửa, tự do hoá thương mại, đầu tư quốc tế... đã không những đem tới sự phát triển cho các quốc gia dân tộc, mà còn “góp phần quan trọng giúp cho quá trình TCH diễn ra cực kỳ sôi động trong những thập niên cuối cùng của thế kỷ XX”⁽⁵⁾. Trong thời cách mạng khoa học công nghệ phát triển mạnh mẽ như hiện nay, vị thế kinh tế của mỗi nước với tính cách là thành viên của hệ thống kinh tế toàn cầu đã có những thay đổi về nguyên tắc, cơ chế và các yếu tố tác động. Nếu như trước đây sự vận động phát triển của các quốc gia dân tộc chủ yếu do các yếu tố bên trong, các nhân tố nội sinh quyết định, thì trong giai đoạn phát triển hiện nay, nền kinh tế của tất cả các nước đều chịu sự chi phối, ảnh hưởng rất lớn của các yếu tố ngoại sinh. Không ít quốc gia phát triển được phụ thuộc chủ yếu vào sự tác động từ bên ngoài. Việc thay đổi này là do sự gia tăng nhanh chóng hoạt động liên kết, hợp tác quốc tế, mức độ mở cửa thị trường và sự hình thành nhiều thị trường mang tính toàn cầu (thị trường hàng hoá, thị trường tài

chính, thị trường đầu tư...). Để thích ứng với xu thế này, vấn đề quan trọng nhất đối với các quốc gia là phải có những thay đổi mạnh mẽ chính sách kinh tế của mình cho phù hợp với dòng chảy phát triển của thời đại.

Thực tiễn phát triển của nhân loại đã cho thấy, “ở thế kỷ trước, các nước công nghiệp phát triển, trong những giai đoạn công nghiệp hoá ban đầu của mình, đã duy trì các chính sách đóng cửa. Dần dần những nước này đã chuyển sang các quan điểm có tính ngày một tự do hơn. Đầu tiên là tự do hoá thị trường hàng hoá, tiếp theo là tự do hoá thị trường dịch vụ, và cuối cùng là tự do hoá thị trường tài chính và thị trường viễn thông quốc gia”⁽⁶⁾. Ngày nay, chính sách mở cửa, tự do hoá thương mại, đầu tư quốc tế... đang là những nội dung quan trọng trong chiến lược, chính sách phát triển của chính phủ các nước. Đường hướng này đã tạo ra một môi trường thông thoáng, thuận lợi cho sự liên kết, hợp tác trong mọi quan hệ kinh tế giữa các quốc gia. Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) là một điển hình về một sân chơi mang tính toàn cầu mà ở đó quá trình tự do hoá về thương mại, đầu tư, dịch vụ đang diễn ra khá mạnh mẽ. Tính đến tháng 6/2007, WTO đã có 151 thành viên chính thức và có nhiều quốc gia đang trong quá trình đàm phán tham gia tổ chức này... Trong xu thế TCH hiện nay, nhất là sau khi “chiến tranh lạnh kết thúc tạo điều kiện cho các quốc gia mở rộng quan hệ hợp tác với nhau vì mục tiêu hàng đầu là phát triển kinh tế, do vậy, hiện nay khó có thể tìm thấy một quốc gia không có mối liên hệ về kinh tế với thế giới bên ngoài”⁽⁷⁾.

Với chính sách mở cửa, tự do hoá thương mại và tham gia các hoạt động đầu tư quốc tế đã đem tới những cơ hội phát triển mới cho các quốc gia, khẳng định vận

mệnh kinh tế của các nước hiện nay ngày càng do môi trường kinh tế đối ngoại chi phối mạnh mẽ. Hơn thế nữa, nó biến nền kinh tế thị trường quốc gia thành nền kinh tế thị trường thế giới, và khi nền kinh tế thị trường thế giới đã hình thành nó thúc đẩy TCH vận động nhanh hơn. Thực hiện chính sách mở cửa, tự do hoá thương mại... đã loại bỏ dần hàng rào “nhân tạo” cản trở sự giao lưu hợp tác quốc tế giữa các khu vực, các châu lục, các quốc gia, vùng lãnh thổ, đồng thời liên kết các châu lục, các vùng, các quốc gia thành một thị trường thống nhất – thị trường thế giới.

Ba là, sự ra đời, phát triển và vai trò ngày càng tăng của các công ty xuyên quốc gia trên toàn cầu.

Quốc tế hoá sản xuất kinh doanh với việc hình thành mạng lưới sản xuất toàn cầu qua việc phát triển mạnh mẽ của các công ty xuyên quốc gia đã kéo các quốc gia gắn kết với nhau, “nền kinh tế giữa các quốc gia dường như được tập hợp lại trong một không gian mới mà ở đó, biên giới lãnh thổ không còn giữ vai trò quan trọng”⁽⁸⁾. Chính sách tự do hoá thương mại toàn cầu không những tạo cơ hội cho chính phủ các nước thực hiện chiến lược mở cửa của mình, mà đây là điều kiện thuận lợi cho sự ra đời và phát triển mạnh mẽ của các công ty xuyên quốc gia – lực lượng chi phối toàn cầu. Nhờ có các tiến bộ của công nghệ thông tin, các công ty có thể bố trí những bộ phận khác nhau của dây chuyền sản xuất ở các khu vực, các nước khác nhau mà vẫn duy trì được quá trình sản xuất, sự quản lý thống nhất với hiệu quả cao. Sự phát triển của các công ty xuyên quốc gia đã đẩy mạnh quá trình quốc tế hoá sản xuất kinh doanh. Trên thế giới càng ngày càng có nhiều sản phẩm được tạo ra thông qua một quá trình mang tính quốc tế hoá cao. Ví dụ, “hãng máy bay

Boeing (Mỹ) đã sử dụng 600 công ty ở các nước khác nhau để sản xuất các chi tiết, linh kiện của máy bay Boeing 747. Hoặc một chiếc xe hơi của Hãng Volkswagen (Đức) được lắp ráp bằng các chi tiết do các chi nhánh của nó sản xuất ở 16 nước”⁽⁹⁾.

Liên kết toàn cầu bên cạnh việc tăng cường hợp tác giữa các chính phủ trên mọi lĩnh vực thì còn là kết quả của việc tăng cường hoạt động của các công ty xuyên quốc gia. Thực tế cho thấy, số lượng cũng như phạm vi ảnh hưởng của các công ty xuyên quốc gia ngày càng tăng và mở rộng trên toàn cầu. Để giảm chi phí sản xuất và tối đa hoá lợi nhuận, cũng như tạo lập thế cạnh tranh với các đối thủ khác trong việc chiếm lĩnh thị trường, các công ty xuyên quốc gia đang tìm mọi cách mở rộng địa bàn hoạt động đến nhiều quốc gia vùng lãnh thổ. Điều này không những làm gia tăng dòng vốn đầu tư nước ngoài trên thế giới mà còn thúc đẩy hoạt động thương mại toàn cầu diễn ra sôi động, mạnh mẽ. Được biết, “trên thế giới hiện nay có khoảng 60.000 công ty xuyên quốc gia với khoảng 500.000 chi nhánh ở nước ngoài có tổng doanh số trên 10.000 tỷ USD, chiếm gần 40% tổng sản phẩm của thế giới, kiểm soát 60% tổng thương mại của thế giới, 80% vốn đầu tư nước ngoài, 90% thành quả nghiên cứu triển khai kỹ thuật và chuyển giao công nghệ trên thế giới. Luân chuyển giữa các công ty xuyên quốc gia và trong nội bộ các công ty xuyên quốc gia chiếm gần 2/3 tổng luân chuyển hàng hoá, dịch vụ, tài chính quốc tế...”⁽¹⁰⁾.

Trong xu thế phát triển hiện nay đang có hiện tượng nhiều công ty xuyên quốc gia sáp nhập lại với nhau tạo nên những tập đoàn kinh tế lớn với số vốn nhiều chục tỷ USD, địa bàn hoạt động rộng khắp toàn cầu, kinh doanh đa ngành. Các chi nhánh của những tập đoàn này được ví như hình ảnh những chiếc “vòi bạch tuộc” giăng ra

trùm lên các quốc gia dân tộc hình thành nên một khối thống nhất giàng buộc chi phối lẫn nhau giữa các quốc gia, khu vực riêng lẻ. Trên cơ sở đi sâu vào việc phân công lao động quốc tế và những bước phát triển mạnh mẽ trong giao thông vận tải, viễn thông đã dẫn đến sự ra đời của rất nhiều công ty xuyên quốc gia. “Nếu năm 1914 tại 14 nước đứng đầu thế giới có 7,3 nghìn công ty xuyên quốc gia với 27,3 nghìn chi nhánh tại nước ngoài, còn tổng doanh số của chúng là 626 tỷ đô la, thì tới 1995, con số các công ty xuyên quốc gia đã lên tới 40 nghìn với hơn 250 nghìn chi nhánh tại nước ngoài và tổng doanh số trên 7 nghìn tỷ đô la. Tới năm 1997, đã có 53 nghìn công ty xuyên quốc gia với 450 nghìn chi nhánh nước ngoài, còn tổng doanh số của chúng đã lên tới 9,5 nghìn tỷ đô la. Năm 1998, đã có tới 57 nghìn công ty siêu quốc gia với gần 500 nghìn chi nhánh ở nước ngoài”⁽¹⁾.

Sự “bành trướng” các hoạt động thương mại, đầu tư, tài chính, chuyển giao công nghệ... trên phạm vi toàn cầu của các công ty xuyên quốc gia đã, đang biến cả thế giới thành một nhà máy sản xuất khổng lồ mà mỗi quốc gia là một phân xưởng. Không những thế, các công ty xuyên quốc gia còn có những ảnh hưởng rất lớn đến chiến lược phát triển kinh tế của chính phủ các nước và đang trở thành các đối tác chủ chốt trên vũ đài kinh tế thế giới, tác động qua lại với nhau và cạnh tranh với nhau. Với những ảnh hưởng to lớn của mình đến sự phát triển của thế giới, các công ty xuyên quốc gia đang thực sự là một lực lượng chi phối toàn cầu thúc đẩy quá trình TCH diễn ra sôi động, mạnh mẽ. Nói tới sự hình thành và phát triển TCH không thể không đề cập tới các công ty xuyên quốc gia. Với ưu thế về tài chính, công nghệ và mạng lưới hoạt động của mình, các công ty xuyên quốc gia đang làm cho nền kinh tế

của các quốc gia phụ thuộc lẫn nhau ngày một chặt chẽ hơn.

Bốn là, sự quốc tế hoá những vấn đề mang tính toàn cầu (môi trường, chiến tranh - hoà bình, dân số, bệnh tật...).

Bên cạnh nhiều thành tựu mà con người đã làm được đưa xã hội loài người không ngừng phát triển đi lên thì hiện nay con người đang phải đối mặt với nhiều vấn đề có tính chất tác động tiêu cực đến sự sinh tồn và phát triển của toàn nhân loại. Để duy trì sự hiện diện trên hành tinh và không ngừng vươn tới những nấc thang phát triển cao hơn, loài người luôn phải nỗ lực tìm kiếm các giải pháp để vừa hoàn thiện mình vừa khắc phục những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống. Tuy nhiên, lịch sử phát triển của loài người đã cho thấy, không phải vấn đề nào liên quan đến sự tồn tại và phát triển của con người cũng có được sự giải quyết tối ưu và triệt để trong các nỗ lực của từng quốc gia, từng nhóm cộng đồng người riêng biệt. Thậm chí, có nhiều vấn đề tuy là của một nước hoặc ở một khu vực nhất định, nhưng do không được giải quyết kịp thời và triệt để nên đã tích tụ và phát triển vượt ngoài phạm vi quốc gia, khu vực gây tác động ảnh hưởng mang tính toàn cầu.

Ngày nay, thế giới đang tồn tại nhiều vấn đề mang tính toàn cầu, mà những vấn đề này không thể giải quyết một cách triệt để, hợp lý trong phạm vi một quốc gia. Đó là các vấn đề như: ô nhiễm môi trường sống; bệnh tật hiểm nghèo gia tăng; dân số bùng nổ; xây dựng thế giới hoà bình và phát triển... Với tư cách là những vấn đề liên quan đến lợi ích của tất cả các quốc gia dân tộc, nên để giải quyết hiệu quả các vấn đề này cần phải có sự hợp tác của các quốc gia dân tộc, các phong trào chính trị xã hội, các tổ chức quốc tế và khu vực... Việc hợp tác cùng giải quyết những vấn đề

toàn cầu hiện nay không chỉ bằng chủ trương, đường lối, mệnh lệnh, lời kêu gọi mà quan trọng hơn phải bằng hành động thực tiễn, bằng việc đóng góp sức người sức của (tiền bạc, công sức) từ mọi quốc gia dân tộc trên thế giới, nhất là từ các nước phát triển, các tổ chức kinh tế lớn của thế giới.

Ví dụ khác là về vấn đề môi trường sống. Chúng ta biết rằng, môi trường là tài sản chung của nhân loại, “môi trường không có ranh giới không gian, do vậy sự ô nhiễm hay suy thoái thành phần môi trường ở quốc gia, vùng lãnh thổ này sẽ có ảnh hưởng trực tiếp tới quốc gia khác và các vùng lãnh thổ khác nhau”⁽¹²⁾. Hiện nay môi trường toàn cầu đang đứng trước thực trạng: cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên; ô nhiễm môi trường không khí, đất, nước; nhiệt độ trung bình trên trái đất tăng lên... Đứng trước thực trạng này không một quốc gia nào có đủ khả năng về tài chính, về sức lực, về phạm vi hoạt động để giải quyết được. Do môi trường là vấn đề không có biên giới, là tài sản chung của nhân loại, do đó “các quốc gia giàu hay nghèo đều thụ hưởng chất lượng môi trường - một loạt hàng hoá công cộng - giống nhau”⁽¹³⁾. Một khi chất lượng môi trường bị suy giảm (trái đất nóng lên, mưa axit nhiều, tầng ôzôn bị thủng...), thì tất cả các quốc gia, kể cả nước giàu hay nước nghèo, nước phát triển, hay nước đang phát triển đều bị tác động, hứng chịu. Vấn đề “hiệu ứng nhà kính” với việc trái đất nóng lên đang diễn ra trên toàn cầu và mọi quốc gia đã, đang chịu những ảnh hưởng do nhiệt độ trái đất tăng lên... Một quốc gia, một châu lục nào đó muốn hạn chế tình trạng trái đất nóng lên, nhưng không được sự ủng hộ, phối hợp của các quốc gia, châu lục khác trên thế giới thì không thể thực hiện được.

Bảo vệ môi trường phải là trách nhiệm của mỗi người, mỗi gia đình, mỗi quốc gia và của toàn nhân loại. Việc thế giới lấy ngày 5/6 hàng năm, và số đông các nước tham gia ký Nghị định thư Kyôto... là những minh chứng cho thấy thế giới đang có những nỗ lực quyết tâm cùng hợp tác làm sạch môi trường, và chỉ có liên kết, hợp tác giữa các chính phủ, các tổ chức kinh tế, đảng phái chính trị... và nói chung là sự hợp tác quốc tế của mọi quốc gia dân tộc, vùng lãnh thổ mới thực hiện được nhiệm vụ bảo vệ môi trường toàn cầu.

Ngày nay hàng loạt các vấn đề toàn cầu đang có xu hướng ngày càng trầm trọng và cấp bách trước sự tồn vong và phát triển của nhân loại. Trong việc giải quyết nhiều vấn đề toàn cầu, thế giới chưa tìm được sự thống nhất cả trong lời nói và hành động của tất cả các quốc gia dân tộc, nên những vấn đề đó vẫn chưa có dấu hiệu giảm xuống. Việc Mỹ và một số ít nước đã không tham gia ký Nghị định thư Kyôto về giảm chất thải đã không những tạo ngòi nổ cho mâu thuẫn giữa nhiều quốc gia trên thế giới với Mỹ trong quan hệ quốc tế, mà nguy hại hơn làm cho môi trường sống toàn cầu càng trở nên suy thoái trầm trọng... Các vấn đề toàn cầu càng tăng, chất lượng cuộc sống của nhân loại càng giảm. Để phát triển bền vững và xây dựng một thế giới hoà bình, tiến bộ, toàn thể nhân loại phải cùng bắt tay, chung sức, hợp tác đóng góp sức người, sức của và phải cùng tuyên chiến với những vấn đề toàn cầu.

Nói tóm lại, trên đây chỉ là một số nhân tố cơ bản, mà nội dung của những nhân tố này có cả khía cạnh khách quan và chủ quan đã và đang thúc đẩy xu thế TCH ngày càng diễn ra mạnh mẽ. Xem xét nguyên nhân của xu thế TCH, ta thấy “TCH có thể được coi là một bước tiến mới,



lớn lao của loài người trong lịch sử tồn tại và phát triển của mình"⁽¹⁴⁾. Mặc dù TCH có bản chất "kép" (tác động có tích cực và tiêu cực), song để tồn tại và phát triển, việc hội nhập, hợp tác quốc tế là một tất yếu với mọi quốc gia. Việc tìm cho mình một vị trí thích hợp để tồn tại và phát triển trong thế giới TCH là cách làm khôn ngoan, hiệu quả của chính phủ các nước trên thế giới hiện nay.

Như vậy, qua việc tìm hiểu một số nguyên nhân chủ yếu của TCH ta thấy, TCH không phải là một quá trình mới mẻ đối với sự phát triển của thế giới. TCH là sự tiếp tục của xu thế quốc tế hoá đã có từ trước và là giai đoạn cao của quá trình quốc tế hoá. Trong điều kiện lực lượng sản xuất từng bước được hiện đại hoá, mở rộng tính chất xã hội hoá của nó, trở thành lực lượng sản xuất được quốc tế hoá thì tất yếu quan hệ sản xuất cũng có sự phát triển thích ứng. Trên cơ sở này, các quan hệ quốc tế về kinh tế, chính trị, văn hoá... cũng không ngừng được mở rộng tạo ra những sự liên kết và phụ thuộc mang tính toàn cầu. Quá trình TCH đang làm tăng sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội, mà trước hết và nổi bật nhất là trong lĩnh vực kinh tế. Trên nền tảng lực lượng sản xuất phát triển cao thúc đẩy xã hội hoá nền sản xuất trên toàn cầu, TCH là xu thế tất yếu khách quan đối với sự phát triển của lịch sử xã hội loài người.

Chú thích

1- Nguyễn Văn Dân (chủ biên): *Những vấn đề của toàn cầu hoá kinh tế*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2001, tr.13

2- Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia, Viện Thông tin Khoa học xã hội: *Toàn cầu hoá và khu vực hoá cơ hội và thách*

thức đối với các nước đang phát triển, Thông tin Khoa học xã hội, Hà Nội, 2000, tr.15

3- Sdd, tr.17

4- V. E. Davidovich: *Dưới lăng kính triết học*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.172

5- Nguyễn Văn Dân (chủ biên): *Những vấn đề của toàn cầu hoá kinh tế*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2001, tr.111

6- Sdd, tr.114

7- Lê Hữu Nghĩa – Lê Ngọc Tông (chủ biên): *Toàn cầu hoá những vấn đề lý luận và thực tiễn*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004, tr.449

8- Sdd, tr.133

9- Sdd, tr.133-134

10- Sdd, tr.135

11- Nguyễn Văn Dân (chủ biên): *Những vấn đề của toàn cầu hoá kinh tế*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2001, tr.117

12- Bộ Giáo dục và đào tạo: *Khoa học môi trường*. Nxb Giáo dục, 2003, tr.331

13- Lê Hữu Nghĩa – Lê Ngọc Tông (đồng chủ biên): *Toàn cầu hoá những vấn đề lý luận và thực tiễn*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004, tr.456

14- Sdd, tr.135

Tài liệu tham khảo

1- Nguyễn Minh Hợp – Nguyễn Kim Lai: *Những vấn đề toàn cầu trong thời đại ngày nay*. Nxb Giáo dục, 2005

2- Thomas L. Foiedman: *Chiếc Lexus và cây Ô lưu*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2005

3- Tôn Ngũ Viên: *Toàn cầu hoá, nghịch lý của thế giới Tư bản chủ nghĩa*

4- Samuel Huntington: *Sự va chạm của các nền văn minh*. Nxb Lao động, Hà Nội, 2003

lớn lao của loài người trong lịch sử tồn tại và phát triển của mình”⁽¹⁴⁾. Mặc dù TCH có bản chất “kép” (tác động có tích cực và tiêu cực), song để tồn tại và phát triển, việc hội nhập, hợp tác quốc tế là một tất yếu với mọi quốc gia. Việc tìm cho mình một vị trí thích hợp để tồn tại và phát triển trong thế giới TCH là cách làm khôn ngoan, hiệu quả của chính phủ các nước trên thế giới hiện nay.

Như vậy, qua việc tìm hiểu một số nguyên nhân chủ yếu của TCH ta thấy, TCH không phải là một quá trình mới mẻ đối với sự phát triển của thế giới. TCH là sự tiếp tục của xu thế quốc tế hoá đã có từ trước và là giai đoạn cao của quá trình quốc tế hoá. Trong điều kiện lực lượng sản xuất từng bước được hiện đại hoá, mở rộng tính chất xã hội hoá của nó, trở thành lực lượng sản xuất được quốc tế hoá thì tất yếu quan hệ sản xuất cũng có sự phát triển thích ứng. Trên cơ sở này, các quan hệ quốc tế về kinh tế, chính trị, văn hoá... cũng không ngừng được mở rộng tạo ra những sự liên kết và phụ thuộc mang tính toàn cầu. Quá trình TCH đang làm tăng sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội, mà trước hết và nổi bật nhất là trong lĩnh vực kinh tế. Trên nền tảng lực lượng sản xuất phát triển cao thúc đẩy xã hội hoá nền sản xuất trên toàn cầu, TCH là xu thế tất yếu khách quan đối với sự phát triển của lịch sử xã hội loài người.

Chú thích

- 1- Nguyễn Văn Dân (chủ biên): *Những vấn đề của toàn cầu hoá kinh tế*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2001, tr.13
- 2- Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia, Viện Thông tin Khoa học xã hội: *Toàn cầu hoá và khu vực hoá cơ hội và thách*

thức đối với các nước đang phát triển, Thông tin Khoa học xã hội, Hà Nội, 2000, tr.15

3- Sdd, tr.17

4- V. E. Davidovich: *Dưới lăng kính triết học*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.172

5- Nguyễn Văn Dân (chủ biên): *Những vấn đề của toàn cầu hoá kinh tế*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2001, tr.111

6- Sdd, tr.114

7- Lê Hữu Nghĩa – Lê Ngọc Tông (chủ biên): *Toàn cầu hoá những vấn đề lý luận và thực tiễn*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004, tr.449

8- Sdd, tr.133

9- Sdd, tr.133-134

10- Sdd, tr.135

11- Nguyễn Văn Dân (chủ biên): *Những vấn đề của toàn cầu hoá kinh tế*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2001, tr.117

12- Bộ Giáo dục và đào tạo: *Khoa học môi trường*. Nxb Giáo dục, 2003, tr.331

13- Lê Hữu Nghĩa – Lê Ngọc Tông (đồng chủ biên): *Toàn cầu hoá những vấn đề lý luận và thực tiễn*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004, tr.456

14- Sdd, tr.135

Tài liệu tham khảo

- 1- Nguyễn Minh Hợp – Nguyễn Kim Lai: *Những vấn đề toàn cầu trong thời đại ngày nay*. Nxb Giáo dục, 2005
- 2- Thomas L. Foiedman: *Chiếc Lexus và cây Ô lưu*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2005
- 3- Tôn Ngũ Viên: *Toàn cầu hoá, nghịch lý của thế giới Tư bản chủ nghĩa*
- 4- Samuel Huntington: *Sự va chạm của các nền văn minh*. Nxb Lao động, Hà Nội, 2003